

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA CHÈ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 22-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khánh và ông Ty Trung Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Văn Tàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Tô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đặng Văn H**; sinh ngày: 20/8/1984, tại huyện T, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn M (đã chết) và bà Triệu Sám M; có vợ là Lý Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**; sinh ngày: 27/7/1988, tại huyện L, tỉnh B; nơi thường trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức H (đã chết) và bà Ngô Thị N; có vợ là Nguyễn Thị V; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 20/7/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 12 ngày, về tội “Đánh bạc” đến ngày 20/01/2014 đã chấp hành án xong toàn bộ bản án; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Bùi Viết T**; sinh ngày: 06/01/1988, tại thành phố H, tỉnh Q; nơi thường trú: Tổ Z, khu A, phường G, thành phố H, tỉnh Q; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Viết C và bà Phạm Thị N; có vợ là Hoàng Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Đinh Văn T1**; sinh ngày: 04/4/1989, tại huyện B, tỉnh Q; nơi thường trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q; nơi ở hiện nay: Khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn T2 (đã chết) và bà Đinh Thị M; có vợ là Bùi Thùy D (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

5. Họ và tên: **Đặng Dầu N**; sinh ngày: 14/5/1974, tại thành phố H, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện T, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H (đã chết) và bà Triệu Thị T; có vợ là Lý Thị M; có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

6. Họ và tên: **Đặng Thanh H2**; sinh ngày: 15/7/1987, tại huyện B, tỉnh Q; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: **Dao**; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn M1 và bà Lý Thị L; có vợ là Lý Thị M; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2022 đến ngày 16/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đặng Thị N1; sinh năm: 1986; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

* **Người làm chứng:** Anh Hoàng Văn D; sinh ngày 03/11/1990; nơi cư trú: khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

* **Người chứng kiến:** Anh Tăng Văn D1; sinh ngày 06/03/1991; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 đến nay, Nguyễn Văn H1 thuê nhà của chị Đặng Thị N1 (sinh năm 1986; trú tại thôn N, xã N, huyện B) để sinh hoạt. Sáng ngày 10/8/2022, thấy chị N1 đi vắng, H1 rủ Đinh Văn T1, Bùi Viết T, Đặng Văn H, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 buổi chiều đến nhà ăn rằm. Khoảng 15 giờ cùng ngày, mọi người cùng đến nhà H1, khi đi T1 rủ thêm Hoàng Văn D (sinh năm 1990; trú tại khu X, thị trấn B, huyện

B). Trong lúc cả nhóm chờ ăn cơm thì có người khởi xướng việc đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” (nhưng không xác định được là ai). Sau đó H xuống bếp lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ rồi cắt 04 quân bài vị từ lá bài tú lơ khơ và cầm cái xóc cho mọi người cùng đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền. Riêng Hoàng Văn D chỉ ngồi xem chứ không tham gia.

Cách thức đánh bạc như sau: Sử dụng 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ, một mặt màu trắng, một mặt tối màu, sau đó cho 04 quân vị vào đĩa rồi dùng bát úp lên để cho người cầm cái xóc và quy định vị trí ngay trước mặt người cầm cái là cửa “chẵn”, vị trí trước mặt bên ngoài vị trí người cầm cái đặt đĩa là cửa “lẻ”. Người cầm cái cho bốn quân vị vào lòng đĩa sứ dùng bát úp lại xóc lên xóc xuống nhiều lần rồi đặt xuống chiếu, người chơi đặt tiền vào hai cửa “chẵn” hoặc cửa “lẻ”, khi mở bát ra nếu 04 quân bài vị cùng mặt trắng hoặc cùng mặt tối màu hoặc 02 quân mặt trắng, 02 quân mặt tối màu thì tính là “chẵn” còn nếu 01 quân mặt tối màu 03 quân mặt trắng hoặc ngược lại thì tính là “lẻ”. Mỗi ván người chơi đặt tiền tùy ý, thấp nhất là 50.000 đồng, không giới hạn số tiền tối đa. Nếu cửa lẻ thắng thì người cầm cái sẽ thu tiền ở bên cửa chẵn trả cho những người đặt tiền ở cửa lẻ tương ứng số tiền mà họ đã đặt lúc chưa mở bát, nếu cửa chẵn thắng thì làm ngược lại. Nếu bên chẵn hoặc lẻ đặt tiền chênh lệch nhau thì người cầm cái phải bỏ tiền ra để bù cho bên nào thắng hoặc thu tiền chênh lệch nếu bên nào thua. Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 chơi đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Ba Chẽ phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng), 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài vị hình tròn, 01 chiếu nhựa. Ngoài ra cơ quan Công an còn thu trên người H1 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng), thu trên người T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thu trên người H 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), thu trên người H2 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng), thu trên người T1 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) và thu trên người N 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Các bị cáo đều khai nhận số tiền mà cơ quan thu giữ trên người của các bị cáo đều không sử dụng để đánh bạc.

Tại bản kết luận giám định số 1394/KL-KTHS ngày 01/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: 57 tờ giấy bạc tiền Việt Nam cần giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N và Đặng Thanh H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu ở trên. Ngoài ra, các bị cáo còn khai số tiền mỗi người đã sử dụng để đánh bạc như sau: Đặng Văn H mang theo 520.000 đồng, đã bỏ ra 500.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn H1 mang theo 1.480.000 đồng, đã bỏ ra 1.450.000 đồng để đánh bạc. Bùi Viết T mang theo 3.600.000 đồng, đã bỏ ra 1.600.000 đồng để đánh bạc. Đặng Thanh H2 mang theo 180.000 đồng, đã bỏ ra 150.000 đồng để đánh bạc. Đinh Văn T1 mang theo 1.530.000 đồng, đã bỏ ra 1.500.000 đồng để đánh bạc. Đặng Dầu N mang theo 2.020.000 đồng, đã bỏ ra 400.000 đồng để đánh bạc. Trước khi đánh bạc không có ai tổ chức, phân công, trong lúc chờ ăn cơm có một người trong nhóm khởi xướng đánh bạc (nhưng quá trình điều không xác định được ai là người khởi xướng) thì được mọi người đồng ý và thống nhất cùng chơi. Nguyễn

Văn H1 còn khai nhận thêm: bát, đĩa và chiếu nhựa đều là tài sản của chủ nhà cho H1 thuê trọ là chị Đặng Thị N1, các bị cáo tự ý lấy để dùng cho việc đánh bạc. Riêng lá bài tú lơ khơ dùng để cắt quân bài vị đã có sẵn ở chiếu không biết của ai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Đặng Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại giai đoạn điều tra và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt có lời khai và quan điểm thể hiện: Chị N1 cho Nguyễn Văn H1 thuê nhà tại thôn N, xã N, huyện B từ năm 2016 để sinh sống, làm việc. Từ sáng ngày 10/8/2022, chị N1 đi vắng không có ở nhà nên không biết việc H1 mời bạn về nhà trọ ăn răm, chị N1 cũng không biết việc những người này đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” tại nơi ở của H1. Đối với những vật chứng cơ quan Công an đã thu giữ gồm: Bát sứ, đĩa sứ và chiếu nhựa là của chị N1 nhưng giá trị nhỏ nên chị N1 không đề nghị được nhận lại, chị N1 cũng không có yêu cầu, đề nghị gì đối với các bị cáo.

Người làm chứng, người chứng kiến đều có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với diễn biến, nội dung vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSBC ngày 19 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Viết T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Dầu N từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Thanh H2 từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa màu vàng, đỏ; 01 bát sứ (con) màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn bằng giấy. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Trả lại cho Nguyễn Văn H1 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng); trả lại cho Bùi Viết T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); trả lại cho Đặng Văn H 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng); trả lại cho Đặng Thanh H2 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng); trả lại cho Đinh Văn T1 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) và trả lại cho Đặng Dầu N 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang của cơ quan Công an huyện Ba Chẽ, phù hợp với vật chứng tài sản bị thu giữ, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 10/8/2022, tại nhà trọ của Nguyễn Văn H1 thuộc thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Q. Các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “xóc đĩa”, thu tại chiếc bạc số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước. Các bị cáo tụ tập rủ nhau đánh bạc có tính chất sát phạt tiền bạc của nhau để kiếm lời, không những làm thiệt hại về tài sản của mình và người khác, mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương, đánh bạc cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà chỉ nhất thời phạm tội nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Đặng Văn H là người phạm tội tích cực nhất do đã chuẩn bị bát, đĩa, cất quân vị và là người cầm cái, xúc quân bài vị cho mọi người cùng chơi do đó có vai trò cao nhất. Các bị cáo còn lại có vai trò ngang nhau và sau bị cáo H.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Đặng Văn H, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Riêng bị cáo Nguyễn Văn H1 quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có Bồ đề là người tham gia kháng chiến được cơ quan có thẩm quyền xác nhận về thời gian làm nhiệm vụ; ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; ngoài ra bị cáo còn tích cực góp tiền ủng hộ Quỹ phòng chống covid 19 của xã N, huyện B (đợt 1 ngày 08/4/2021, đợt 2 ngày 20/12/2021), được Trạm y tế xã N xác nhận bằng văn bản nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phân hóa vai trò thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Đặng Văn H, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Riêng bị cáo Nguyễn Văn H1 đã có một lần xét xử về tội “đánh bạc” nhưng đã được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có vai trò sau trong vụ án, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ

luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi bổ sung năm 2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng, tài sản đã thu giữ: Số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn) thu tại chiếu bạc là tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước; 04 quân vị hình tròn bằng giấy là công cụ phạm tội cần tịch thu và tiêu hủy. Đối với 01 chiếc nhựa màu vàng, đỏ; 01 bát sứ (con) màu trắng và 01 đĩa sứ màu trắng là tài sản của chị Đặng Thị N1 nhưng chị Năm không đề nghị được nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy. Đối với số tiền thu được trên người của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Đặng Thị N1 không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản hoặc có yêu cầu gì khác đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Đối với Hoàng Văn D có ngồi xem nhưng không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo nên không đề cập xử lý. Đối với Đặng Thị N1 là chủ nhà nhưng không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên không đề cập xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn H, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N, Đặng Thanh H2 phạm tội “Đánh bạc”

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Bùi Viết T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đặng Dầu N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thanh H2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Giao các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Đinh Văn T1 và Đặng Thanh H2 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Viết T cho Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Dầu N cho Ủy ban nhân dân xã Yên Than, huyện T, tỉnh Q giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ vào: Điều 123; Điều 124; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N và Đặng Thanh H2.

5. Căn cứ vào: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc nhựa màu vàng, đỏ; 01 bát sứ (con) màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn bằng giấy. Tịch thu số tiền 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) nộp Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Nguyễn Văn H1 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng); trả lại cho Bùi Viết T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); trả lại cho Đặng Văn H 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng); trả lại cho Đặng Thanh H2 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng); trả lại cho Đinh Văn T1 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng) và trả lại cho Đặng Dầu N 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn). Toàn bộ số tiền thu giữ trong vụ án được niêm phong trong một phong bì số 1394/KLGĐ ngày 01/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh.

Tình trạng những vật chứng, tài sản nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 10/11/2022 giữa Công an huyện Ba Chẽ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

6. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đặng Văn H, Nguyễn Văn H1, Bùi Viết T, Đinh Văn T1, Đặng Dầu N và Đặng Thanh H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Chẽ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS huyện Ba Chẽ;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quyền